

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
BIA SÀI GÒN – BÌNH TÂY
SAIGON BINH TAY BEER GROUP
JOINT STOCK COMPANY**

Số/No. 167./2026/SBB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Ho Chi Minh City, July 29, 2026

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý II năm 2026, kết thúc tại ngày 30/06/2026)

(Information disclosure of Separate and Consolidated Interim Financial Statements for the Second Quarter II of year 2026 Ended June 30, 2026)

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội
Respectfully to: The State Securities Commission
Ha Noi City Stock Exchange**

V/v: Công bố Báo cáo Tài chính Riêng và Hợp nhất Quý II năm 2026 và giải trình kết quả SXKD so với cùng kỳ năm 2025

Re: Disclosure of the Separate and Consolidated Interim Financial Statements for the second Quarter of year 2026 and Explanation of Business Results Compared to the Same Period in 2025

Tên tổ chức : Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây
Organization name : Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company
Mã chứng khoán : SBB
Stock code : SBB
Địa chỉ : 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address : 08 Nam Ky Khoi Nghia, Sai Gon Ward, HCM City, Vietnam

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính hằng quý, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (Mã chứng khoán SBB) xin thuyết minh, trình bày các thông tin như sau:

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 Nov, 2020 of the Ministry of Finance regarding information disclosure of Quarterly Financial Statement, Saigon Binh Tay Beer Group Joint Stock Company (Stock code: SBB) would like to provide information and explanations as follows:

1- Báo cáo kết quả kinh doanh riêng quý II/2026.

Separate statement of income for the second quarter of year 2026 ended June 30, 2026.

CHỈ TIÊU	DESCRIPTION	Mã Code	Quý II Quarter II of year		Biến động QII.2026/QII.2025 Variance for QII 2026 compared to QII 2025	
			2026	2025	Amount	%
1	1	2	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1. Revenues from sales and services rendered	01	511.419.580.568	496.363.672.091	15.055.908.477	3,03%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2. Revenue deductions	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3. Net sales from goods and services sold	10	511.419.580.568	496.363.672.091	15.055.908.477	3,03%
4. Giá vốn hàng bán	4. Costs of goods sold	11	426.089.677.204	468.627.806.435	(42.538.129.231)	-9,08%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	5. Gross profit from goods and services sold	20	85.329.903.364	27.735.865.656	57.594.037.708	207,65%
7. Doanh thu hoạt động tài chính	7. Revenue from financing activity	22	9.116.717.443	31.126.062.044	(22.009.344.601)	-70,71%
9. Chi phí tài chính	9. Financial activities expenses	23	775.818.832	3.682.287.730	(2.906.468.898)	-78,93%
- Trong đó: Chi phí đi vay	- In which: Interest expense	24	518.335.098	3.678.806.156	(3.160.471.058)	-85,91%
10. Chi phí bán hàng	10. Selling expenses	25	2.591.029.068	2.197.083.277	393.945.791	17,93%
11. Chi phí quản lý doanh nghiệp	11. General & administration expenses	26	28.961.917.288	6.410.874.689	22.551.042.599	351,76%
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (24+ 26 + 27)}	12. Net profit from operating activity	30	62.117.855.619	46.571.682.004	15.546.173.615	33,38%
13. Thu nhập khác	13. Other incomes	31	107.194.819	181.877.182	(74.682.363)	41,06%
14. Chi phí khác	14. Other expenses	32	65.867.851	29.833.726	36.034.125	120,78%
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	15. Other profits (40 = 31 - 32)	40	41.326.968	152.043.456	(110.716.488)	72,82%
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	16. Total accounting profit before tax	50	62.159.182.587	46.723.725.460	15.435.457.127	33,04%
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17. Current profit tax expense	51				
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	18. Deferred profit tax expense	52				
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	19. Profit after profit tax	60	62.159.182.587	46.723.725.460	15.435.457.127	33,04%

➤ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ quý II năm 2026 so với kết quả cùng kỳ năm 2025 đạt được kết quả tốt là sản lượng tiêu thụ tăng, bên cạnh đó là cơ cấu quản lý bộ máy sản xuất hoạt động hiệu quả, quản lý tốt tiết kiệm chi phí nên tỉ lệ tăng lãi gộp tăng cao.*

➤ *Revenue from sales of goods and provision of services in QII 2026 achieved strong results compared to the same period in 2025, driven by higher sales volume. In addition, the production and management structure operated more efficiently, with improved cost control and cost savings, resulting in a significant increase in the gross profit margin.*

2- Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý II/2026.

Consolidated statement of income for the second quarter of 2026 ended June 30, 2026.

Chỉ tiêu	Description	Mã Code	Quý II Quarter II of year		Biến động QII.2026/QII.2025 Variance for QII 2026 compared to QII 2025	
			2026	2025	Amount	%
[1]		[2]	[4]	[5]	6 =[4]-[5]	[7]=[6]/[5]
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenues from sales and services rendered	01	870.932.193.960	883.903.366.159	(12.971.172.199)	-1,47%
Các khoản giảm trừ doanh thu	Revenue deductions	02				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net sales from goods and services sold	10	870.932.193.960	883.903.366.159	(12.971.172.199)	-1,47%
Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold	11	740.898.991.541	840.755.105.249	(99.856.113.708)	-11,88%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit from goods and services sold	20	130.033.202.419	43.148.260.910	86.884.941.509	201,36%
Doanh thu hoạt động tài chính	Revenue from financing activity	22	6.217.102.882	6.324.974.429	(107.871.547)	-1,71%
Chi phí tài chính	Financial activities expenses	23	2.122.516.882	8.220.471.880	(6.097.954.998)	-74,18%
- Trong đó: Chi phí đi vay	- In which: Interest expense	24	2.081.929.216	8.217.939.038	(6.136.009.822)	-74,67%
Chi phí bán hàng	Selling expenses	25	3.333.983.648	7.390.024.371	(4.056.040.723)	-54,89%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	General & administration expenses	26	22.055.239.342	14.289.612.907	7.765.626.435	54,34%
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty Liên doanh, Liên kết	Shares of profit of associates, joint-ventures	27		6.326.991.170	(6.326.991.170)	-100,00%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 +23- (24+ 26 + 27)}	Net profit from operating activity	30	108.738.565.429	25.900.117.351	82.838.448.078	319,84%
Thu nhập khác	Other incomes	31	489.465.290	239.149.909	250.315.381	-104,67%
Chi phí khác	Other expenses	32	137.190.678	1.176.920.797	(1.039.730.119)	88,34%
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	Other profits	40	352.274.612	(937.770.888)	1.290.045.500	137,57%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	Total accounting profit before tax	50	109.090.840.041	24.962.346.463	84.128.493.578	337,02%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current profit tax expense	51	3.828.726.735	4.191.460.592	(362.733.857)	-8,65%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred profit tax expense	52				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	Profit after profit tax	60	105.262.113.306	20.770.885.871	84.491.227.435	406,78%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	Earning per share (*)	70	1.125	290	835	287,72%

- Doanh thu hợp nhất quý II năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 giảm 12,97 tỷ VND tương ứng với tỉ lệ giảm 1,47%, giá vốn hàng bán hợp nhất giảm 99,86 tỷ VND tương ứng tỉ lệ giảm 11,88%. Do sự nỗ lực của toàn thể nhân viên Công ty trong Tập đoàn cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, mặc dù doanh thu giảm nhưng tỉ lệ lãi gộp tăng hơn 86,88 tỷ VND tương ứng với tỉ lệ tăng trưởng 201,36%

In the second quarter of 2026, consolidated revenue decreased by VND 12.97 billion, or 1.47%, compared with the same period in 2025. Consolidated cost of goods sold decreased by VND 99.86 billion, representing an 11.88% decline. As a result of the continuous efforts of employees across the Group to improve production processes, implement technical enhancements, and optimize production costs, the Group achieved a significant improvement in gross profit despite the decline in revenue. Consolidated gross profit increased by VND 86.88 billion, representing a growth rate of 201.36% compared with the second quarter of 2025.

Chúng tôi xin được đính kèm Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ kết thúc tại 30/06/2026.

We would like to attach the separate and consolidated financial statements for the period as at June 30, 2026.

Trân trọng /
Respectfully /


Lee Chio Lim Larry

Đại diện tổ chức/Representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

Legal representative/Disclosure Authorization



Tài liệu đính kèm:

- ☐ BCTC riêng Quý II/2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026 /Separate interim Financial Statements for the Quarter II/2026 period ended June 30, 2026
- ☐ BCTC hợp nhất Quý II/2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026 /Consolidated Financial Statements for the Quarter II/2026 period ended June 30, 2026

